

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THANH HÓA
Hạnh phúc
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do -**

Bản án số: 08/2023/HS-ST
Ngày: 13- 11- 2023

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN ND THÀNH PHỐ THANH HÓA, TỈNH THANH HÓA**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thủy

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Dương Thị Phương

Bà Lê Thị Oanh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hải Hà - Thư ký Tòa án thành phố Thanh Hóa

- Đại diện VKSND thành phố Thanh Hóa tham gia phiên tòa:

Ông Nguyễn Văn Q - Kiểm sát viên

Ngày 13 tháng 11 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 26/2023/TLST-HS ngày 18 tháng 10 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19/2023/QĐXXST - HS ngày 30 /10/2023 đối với bị cáo:

Chu Đình T - sinh năm 1991 tại Thanh Hóa. Nơi cư trú: Thôn C, xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Chu Đình T1 và bà: Đỗ Thị G; Tiền án: tháng 4/2011 bị TAND thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa xử phạt 15 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 29 tháng 12 ngày về tội “Trộm cắp tài sản”, tháng 12/2011 bị TAND huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa xử phạt 07 năm tù về tội “Cướp tài sản” tổng hợp với 14 tháng 21 ngày tù của bản án tháng 4/2011, bị cáo phải chấp hành hình phạt chung là 08 năm 02 tháng 21 ngày tù; Tiền sự: không; tạm giữ: ngày 20/9/2023; tạm giam: ngày 23/9/2023, “có mặt”.

Bị hại: Anh Trần Văn D, chị Nguyễn Thị H “vắng mặt”

Trú tại: Phố Thành Yên, phường Quảng Thành, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Lưu Đức H1 - SN 1961

Trú tại: Số nhà A Đ, phường T, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do cần tiền tiêu xài cá nhân nên Chu Đình T nảy sinh ý định trộm cắp tài sản. Khoảng 01h ngày 21/7/2019, T đi đến trước nhà anh Trần Văn D ở phố T, phường Q, thành phố T nhìn thấy có 02 chiếc xe máy nhãn hiệu Honda AirBlade BKS 36B1-101.88 và Honda Vision BKS 36B1-82987 để ở sân nhà anh D không có người trông coi. T trèo qua tường nhà kế bên đi lên tầng 2 rồi đi sang nhà anh D xuống tầng 1. Khi đi qua chân cầu thang thì thấy 01 máy điện thoại OPPO màu đỏ đang sạc pin, T lấy điện thoại và tiếp tục đi vào phòng ngủ lấy trộm được 01 túi xách màu đen đang treo trên móc và 01 chùm chìa khóa xe máy. Thấy không còn tài sản gì, T dùng chìa khóa lấy trộm được mở cửa cổng và dắt chiếc xe máy Honda AirBlade BKS 36B1-101.88 ra ngoài đường rồi nổ máy tẩu thoát. Khi đi về đến đoạn đường đối diện với cây xăng S, QL1A, xã H, thành phố T, T dừng xe lục trong túi xách có một chiếc ví của anh D nhưng không có tiền, T tiếp tục mở cốp xe kiểm tra thì lấy được 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Huawei màu xanh và 01 chiếc ví của chị H (vợ anh D) bên trong có 9.000.000đồng (chín triệu đồng) và 01 đăng ký xe Honda AirBlade BKS 36B1-101.88. Sau đó, T vứt lại túi, ví và giấy tờ ven đường rồi điều khiển xe đi gửi tại Bệnh viện đa khoa huyện H.

Đến khoảng 07h cùng ngày, T gọi điện cho anh Nguyễn Châu G1, sinh năm 1992, trú tại: số nhà A T, phường N, thành phố T hẹn gặp để nhờ G1 mang chiếc xe Honda AirBlade BKS 36B1-101.88 đến cửa hàng cầm đồ Đ của ông Lưu Đức H1, địa chỉ: đường Đ, phường T, thành phố T cầm cố để lấy tiền chuộc chiếc xe máy của mẹ T do trước đó đã nhờ G1 cầm cố ở cửa hàng ông H1. Khi nhờ G1 đi cầm cố xe, T nói với G1 là xe của người nhà T nên anh G1 đồng ý và mang chiếc xe nói trên đến cửa hàng cầm đồ Đức H1 cầm cố lấy 10.000.000đồng (mười triệu đồng). G1 chuộc xe của mẹ T hết 7.000.000 đồng rồi mang xe và tiền thừa trả lại cho T. Đối với chiếc điện thoại Huawei Toàn để sử dụng sau đó làm mất còn chiếc điện thoại OPPO thì T bán cho một người không quen biết được số tiền 800.000 đồng, tất cả số tiền trên T chi tiêu cá nhân hết.

Sau khi phạm tội, T bỏ đi khỏi địa phương đến ngày 20/9/2023 đến Cơ quan Công an thành phố T đều thú về hành vi phạm tội của mình.

Ngày 24/8/2019, Cơ quan điều tra đã thu giữ chiếc xe mô tô Honda AirBlade BKS 36B1-101.88 từ chị Khưu Minh C, sinh năm 1994, trú tại: H, N, đường T, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh. Tại cơ quan điều tra chị C khai nhận có nhờ anh Phạm

Anh K, sinh năm 1995, trú tại: phường Đ, quận H, Thành phố Hà Nội thuê chiếc xe trên từ cửa hàng C1 để làm phương tiện đi lại trong thời gian làm việc tại thành phố T.

Ngày 30/8/2019, Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự đã xác định như sau: chiếc xe máy Honda AirBlade BKS 36B1-101.88 trị giá: 20.000.000 đồng; 01 điện thoại Huawei trị giá 5.600.000 đồng; 01 điện thoại OPPO trị giá: 4.500.000 đồng, tổng 30.100.000 đồng và 9.000.000 đồng tiền mặt. Như vậy, tổng tài sản bị cáo trộm cắp của gia đình anh D là 39.100.000 đồng.

Đối với ông Lưu Đức H1 và anh Nguyễn Châu G1 không biết chiếc xe máy Honda AirBlade BKS 36B1-101.88 là tài sản do phạm tội mà có nên không có căn cứ để xử lý.

Về vật chứng:

- Đối với chiếc điện thoại OPPO màu đỏ và chiếc điện thoại H6, cơ quan điều tra đã ra thông báo truy tìm vật chứng để thu giữ, xử lý theo quy định nhưng không phát hiện, thu giữ được.

- Đối với chiếc xe máy Honda AirBlade BKS 36B1-101.88 và đăng ký xe, Cơ quan điều tra đã trả lại cho bị hại.

- Đối với túi xách, ví và các giấy tờ tùy thân khác của vợ chồng anh D, Cơ quan điều tra rà soát, truy tìm nhưng không phát hiện thu giữ được.

Về dân sự:

- Bị hại là anh D và chị H yêu cầu bị cáo phải bồi thường tài sản trộm cắp còn lại 02 chiếc điện thoại OPPO và H2 và số tiền mặt là 19.000.000 đồng. Quá trình điều tra, chị H khai số tiền trên khi chị bỏ vào trong cốp xe có một mình chị biết, anh D không biết và chị không có giấy tờ, chứng cứ gì chứng minh được nguồn gốc số tiền trên.

Đối với túi xách, ví và các giấy tờ tùy thân khác của anh D, chị H, anh chị không yêu cầu bị cáo bồi thường đối với những tài sản này.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Lưu Đức H1 yêu cầu bị cáo phải bồi thường lại số tiền 10.000.000 đồng (mười triệu đồng) về chiếc xe máy Honda AirBlade BKS 36B1-101.88

Tại bản cáo trạng số 351/CT-VKS ngày 16 tháng 10 năm 2023 của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Thanh Hoá truy tố Chu Đình Toàn về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên toà đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thanh Hoá giữ nguyên quyết định truy tố, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: điểm g khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự. Đề nghị xử phạt bị cáo từ 36 đến 42 tháng tù. Buộc bị cáo phải bồi thường cho anh D số tiền

19.100.000 đồng và ông Lưu Đức H1 10.000.000 đồng. Ngoài ra đại diện Viện kiểm sát còn đề nghị về án phí.

Bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội và không tranh luận gì với đại diện Viện kiểm sát. Lời nói sau cùng bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo, bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự.

[2] Lời khai của bị cáo tại phiên tòa hôm nay thống nhất với lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người bị hại cùng các tài liệu khác phản ánh trong hồ sơ vụ án đã có đủ cơ sở chứng minh: Vào khoảng 01h 00 ngày 21/7/2019, Chu Đình T đã trộm cắp của gia đình anh Trần Văn D, chị Nguyễn Thị H 01 chiếc điện thoại OPPO trị giá 4.500.000 đồng, 01 chiếc điện thoại Huawei trị giá 5.600.000 đồng và 9.000.000đ tiền mặt. Tổng tài sản bị cáo trộm cắp của anh T1 là 39.100.000đ.

Do bị cáo đã có 02 tiền án chưa được xóa án tích nên lần phạm tội này bị cáo phải chịu tình tiết định khung hình phạt là tái phạm nguy hiểm như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có cơ sở, đúng pháp luật.

Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Hành vi phạm tội của Chu Đình T có đủ các dấu hiệu cấu thành tội “Trộm cắp tài sản”. Tội danh và khung hình phạt được quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

[3] Tính chất vụ án: Lợi dụng chủ sở hữu tài sản sơ hở trong việc quản lý tài sản, bị cáo đã nhanh chóng lén lút chiếm đoạt tài sản. Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội không những đã xâm phạm đến trật tự trị an nói chung mà còn xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của công dân nói riêng, do đó cần được xử lý nghiêm minh.

[4] Nhân thân, trách nhiệm hình sự đối với bị cáo: Bị cáo có nhân thân xấu, đã được các cơ quan pháp luật cải tạo, giáo dục nhiều lần nhưng không chịu cải sửa mà còn phạm tội chứng tỏ bị cáo không chịu rèn luyện bản thân, coi thường pháp luật. Với nhân thân, tính chất vụ án và hành vi phạm tội của bị cáo thì việc cách ly khỏi xã hội một thời gian là cần thiết để cải tạo, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

Tuy nhiên, khi áp dụng hình phạt cần căn cứ điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo vì tại các cơ quan pháp luật thành khẩn khai báo, đầu thú.

[5] Về trách nhiệm dân sự:

Bị hại là anh D và chị H báo cáo tài sản bị trộm cắp là 01 chiếc xe máy Honda AirBlade BKS 36B1-101.88; 01 chiếc điện thoại OPPO; 01 chiếc điện thoại Huawei và 19.000.000 đồng tiền mặt. Quá trình điều tra, bị cáo khai nhận sau khi trộm cắp kiểm tra trong ví có 9.000.000 đồng tiền mặt gồm các loại mệnh giá tiền khác nhau. Chị H khai số tiền bị mất là 19.000.000 đồng và khi chị bỏ số tiền này vào trong cốp xe có một mình chị biết, anh D không biết nhưng chị không có giấy tờ, chứng cứ gì chứng minh được nguồn gốc số tiền trên nên không có căn cứ để xem xét, do đó xác định bị cáo trộm cắp 9.000.000 đồng tiền mặt. Như vậy, tổng giá trị bị cáo trộm cắp của anh D và chị H là 39.100.00 đồng. Anh D, chị H đã nhận lại chiếc xe mô tô Honda AirBlade BKS 36B1-101.88 và không có yêu cầu bồi thường gì thêm đối với chiếc xe này, các tài sản còn lại khác và tiền mặt trị giá 19.100.000 đồng anh chị yêu cầu bị cáo phải bồi thường; ông Lưu Đức H1 yêu cầu bị cáo trả lại số tiền 10.000.000 đồng Xét yêu cầu của anh D, chị H và ông H1 là có cơ sở nên buộc bị cáo phải có trách nhiệm bồi thường là phù hợp với quy định. Căn cứ khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự.

[6] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Điểm g khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự. Khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự. Điều 357 Bộ luật dân sự. Điểm a, c khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326 của Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên bố: Bị cáo Chu Đình T phạm tội “Trộm cắp tài sản”

Xử phạt: C (bốn hai) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 20/9/2023.

- Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo phải bồi thường cho anh Trần Văn D và chị Nguyễn Thị H số tiền 19.100.000đ; cho ông Lưu Đức H1 số tiền 10.000.000 đồng.

- Về án phí: Bị cáo phải nộp 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm và 1.455.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật, anh D, chị H và ông H1 có đơn yêu cầu thi hành án. Nếu bị cáo không thi hành hoặc thi hành không đầy đủ thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 357 Bộ luật Dân sự.

Bị cáo có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án đối với khoản tiền án phí và tiền bồi thường theo quy định tại các Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự

Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc ngày niêm yết.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM.
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- VKSND TPTH;
- Công an TPTH;
- TAND tỉnh TH
- VKD ND tỉnh T
- Lưu hồ sơ.

Trần Thị Thủy

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Oanh Dương Thị Phương

Trần Thị Thủy

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- VKSND TPTH;
- Công an TPTH;
- TAND tỉnh TH
- VKD ND tỉnh T
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM.
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Thủy

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- VKSND TPTH;
- Công an TPTH;
- TAND tỉnh TH
- VKD ND tỉnh T
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM.
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị T2

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

N

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Loan Dương Thị P

Trần Thị T2

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- VKSND TPTH;
- Công an TPTH;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM.
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- TAND tỉnh TH
- VKD ND tỉnh T
- Lưu hồ sơ.

Trần Thị T2

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nguyễn Văn Quý Nguyễn Thị H4

Trần Thị T2

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- VKSND TPTH;
- Công an TPTH;
- TAND tỉnh TH
- VKD ND tỉnh T
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM.
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị T2

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Cát Tường Nguyễn Thị Thanh T3

Trần Thị T2

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- VKSND TPTH;
- Công an TPTH;
- TAND tỉnh TH
- VKD ND tỉnh T
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM.
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị T2

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thanh Thủy Nguyễn Thị H5

Trần Thị T2

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- VKSND TPTH;
- Công an TPTH;
- TAND tỉnh TH
- VKD ND tỉnh T
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM.
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị T2

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- VKSND TPTH;
- Công an TPTH;
- TAND tỉnh TH
- VKD ND tỉnh T
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM.
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị T2

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Lê Cát Tường Lê Thị Loan

Trần Thị Thủy

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- VKSND TPTH;
- Công an TPTH;
- TAND tỉnh TH
- VKD ND tỉnh TH
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM.
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Thủy

